

Số: 890/TB-PPC

Hải Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

- Mã chứng khoán: PPC

- Địa chỉ: Km28, QL18, Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương

- Điện thoại liên hệ: 0220.3881126


Fax: 0220.3881338

- E-mail: ppc.evngenco2@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 21/02/2025, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại nhận được Bản án số 16/2025/KDTM-PT ngày 17/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc Tranh chấp hợp đồng ủy thác quản lý vốn (Kèm theo Bản án số 14/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 21/02/2025 tại đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Tài liệu đính kèm:

- Bản án số 16/2025/KDTM-PT ngày 17/01/2025.

- Bản án số 14/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/KĐTM-PT
Ngày: 17/01/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng ủy thác
quản lý vốn



NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Các thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Hạnh**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Hồng Hòa** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: **Bà Phan Thị Tình** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 241/2024/KĐTM - PT ngày 23/12/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy thác quản lý vốn”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KĐTM-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 880/2024/QĐXXPT-KĐTM ngày 30/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐPT-KĐTM ngày 09/01/2025, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phà Lại.

Địa chỉ: Km28, quốc lộ 18, phường Phà Lại, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: **Ông Nguyễn Như Thành**, sinh 1977.



Cư trú: Số 10 ngõ 79 phố Gia Quất, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

- *Bị đơn: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.*

Địa chỉ: Tầng 5 toà nhà số 8 phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Thừa Nhật** - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: **Ông Lê Văn Công**, sinh 1979.

Cư trú: Số 31 ngõ 201 đường Đa Tốn, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: **Luật sư Nguyễn Thị Thanh Mai** - Công ty Luật TNHH Điểm Kết Nối.

(Các đương sự và luật sư có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trình bày:

Ngày 18/09/2007, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC" - Gọi là Phả Lại) và Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (Nay là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt ("BVF" - Gọi là Bảo Việt) ký Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFCM-UTĐ T/PLPC (Gọi là Hợp Đồng 05). Hợp đồng thể hiện việc Phả Lại ủy thác cho Bảo Việt một số vốn để Bảo Việt đầu tư. Các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của Bảo Việt cung cấp phải chuyên nghiệp phù hợp với hợp đồng và yêu cầu đầu tư của Phả Lại và phải thủ các yêu cầu của pháp luật về kinh doanh chứng khoán. Ngoài ra hợp đồng còn quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên còn ký kết thêm một số Phụ lục hợp đồng (07 phụ lục). Nội dung của các Phụ lục hợp đồng thể hiện số vốn cụ thể Phả Lại giao cho Bảo Việt đầu tư, thời hạn ủy thác, danh mục đầu tư là các tài sản có thu nhập, tỷ suất lợi nhuận, yêu cầu đầu tư, giá trị thị trường danh mục đầu tư, tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết, phí thanh toán cho bên thứ ba, phí quản lý danh mục, phí thưởng hiệu quả. Trước khi ký kết các Phụ lục hợp đồng, hai bên đều lập Biên bản đối chiếu số liệu và thanh toán một phần của phụ lục trước đó.

Theo đó, Phụ lục 1 thể hiện việc Phả Lại đã giao cho Bảo Việt vốn ủy thác đầu tư: 150.000.000.000 đồng. Phả Lại đã chuyển đủ tiền vốn ủy thác vào tài khoản được Bảo Việt chỉ định; Thời hạn ủy thác: 03 năm; Tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết: 7,65%/năm; Thù lao ủy thác: Phần chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận đầu tư thực hiện

và tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết chia theo tỷ lệ Phả Lại 40%, Bảo Việt 60%. Sau khi kết thúc thời hạn ủy thác đầu tư, số tiền còn lại mà Bảo Việt phải trả cho Phả Lại là 27.501.965.073 đồng.

Tạo điều kiện cho Bảo Việt có thêm thời gian chuẩn bị nguồn tiền để hoàn trả cho mình, theo đề nghị của Bảo Việt từ năm 2010 đến năm 2015, Phả Lại tiếp tục ký 06 Biên bản đối chiếu số liệu và 05 Phụ lục Hợp đồng (Để Bảo Việt hoàn trả dần tiền ủy thác đầu tư và thanh lý dần Hợp đồng), cụ thể:

- Ngày 06/12/2010: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu và thanh lý một phần Phụ lục số 01: chốt số tiền ủy thác còn lại là 27.501.965.073 đồng, (ii) Phụ lục số 03: số tiền ủy thác: 27.501.965.073 đồng; thời hạn ủy thác: 12 tháng, tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết trong thời gian nhận ủy thác là 12%/năm.

- Ngày 06/12/2011: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 03: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 22.401.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng, (ii) Phụ lục 04: số tiền ủy thác: 22.401.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

- Ngày 06/12/2012: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 04: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 20.351.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng.

- Ngày 06/12/2013: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 05: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 17.851.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng (ii) Phụ lục 06: số tiền ủy thác: 17.851.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

- Ngày 06/12/2014: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 06: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 16.451.965.073 đồng, (ii) Phụ lục 07: số tiền ủy thác: 16.451.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

- Ngày 05/01/2015: Các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 07, tính đến ngày 31/12/2014 là 15.851.965.073 đồng.

Trong thời gian thực hiện Phụ lục số 07, Bảo Việt đã trả cho Phả Lại 1.500.000.000 đồng. Sau khi Phụ lục số 07 hết thời hạn, ngày 19/01/2016, các bên đã tổ chức làm việc về vấn đề liên quan đến Hợp đồng. Theo đó, các bên thống nhất không tiếp tục gia hạn Hợp đồng và giao đại diện các bên trao đổi để giải quyết hậu quả chấm dứt Hợp đồng nhưng không thống nhất được. Vì vậy, ngày 04/05/2016, Phả Lại gửi văn bản số 2217/PPC-TCKT yêu cầu Bảo Việt hoàn trả toàn bộ vốn ủy thác đầu tư gốc 14.351.965.073 đồng nhưng Bảo Việt cho rằng mình đã sử dụng vốn

ủy thác đầu tư vào đối tác khác và đối tác không thanh toán nên khi nào nhận được tiền từ đối tác, Bảo Việt mới trả lại cho Phả Lại.

Không đồng ý, Phả Lại đã khởi kiện yêu cầu đòi số tiền gốc ủy thác quản lý vốn đối với Bảo Việt đến Tòa án. Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Buộc BVF (Bảo Việt) phải hoàn trả ngay cho PPC (Phả Lại) số tiền ủy thác đầu tư còn nợ gốc là: 14.351.965.073 đồng. Ngày 12/11/2020, Bảo Việt đã hoàn trả Phả Lại số tiền gốc ủy thác quản lý vốn như theo quyết định của bản án.

Phả Lại cho rằng Bảo Việt có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền lãi của hợp đồng ủy thác (Phụ lục số 03) cho mình bởi:

Thứ nhất, cam kết bảo toàn vốn ủy thác của Bảo Việt ghi nhận tại Hợp đồng 05, Khoản 4.8 điều 4 quy định: "Chuyển trả đầy đủ vốn ủy thác cho bên A (PPC) khi chấm dứt Hợp đồng hoặc khi có yêu cầu của bên A phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, chuyển trả lãi cam kết thực hiện cho bên A (PPC) đúng theo quy định của hợp đồng này", khoản 7.4 điều 7 Hợp đồng quy định: "Yêu cầu bên B (BVF) chuyển trả vốn ủy thác đầu tư theo quy định tại Khoản 4.8 Điều 4 của Hợp đồng này". Như vậy, tại các điều khoản của Hợp đồng đã quy định rất rõ về trách nhiệm hoàn trả toàn bộ vốn ủy thác đầu tư, trả lãi của bị đơn và quyền yêu cầu hoàn trả vốn ủy thác đầu tư, tiền lãi của nguyên đơn khi chấm dứt Hợp đồng hoặc khi nguyên đơn có yêu cầu.

Khoản 1 điều 27 Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Công ty quản lý quỹ kèm theo Quyết định 35/2007/QĐ-BTC ngày 15/05/2007 của Bộ Tài chính quy định: "Ngoài các nội dung do hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng quản lý đầu tư phải bao gồm những nội dung cơ bản theo quy định tại Phụ lục số 10 kèm theo quy chế này." Căn cứ quyết định số 35/2007/QĐ-BTC, thỏa thuận hoàn trả đầy đủ vốn ủy thác (bảo toàn vốn) của các bên phù hợp với quy định của pháp luật và nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn chuyển trả toàn bộ vốn ủy thác còn lại theo quy định tại Hợp đồng.

Khoản 7 điều 27 Thông tư số 212/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ ngày 05/12/2012 của Bộ Tài chính quy định: "...Việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ đối với khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 21 Thông tư này". Căn cứ quy định trên, đối với nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng công ty quản lý quỹ phải chuyển trả tài sản cho khách hàng theo yêu cầu bằng văn bản; ngừng giao dịch mua/bán chứng khoán; ngừng giao dịch rút/nộp tiền của khách hàng. Sau đó chốt số dư tiền và tài sản của từng khách hàng ủy thác.

Thứ hai, vấn đề rủi ro trong quan hệ ủy thác quản lý quỹ đầu tư: Theo quy định tại Quyết định 35/2007/QĐ-BTC, Phả Lại có thể phải chịu rủi ro nếu thuộc các trường hợp như sau: Bị đơn đưa ra mức độ rủi ro có thể chấp nhận trước khi đưa ra chiến lược đầu tư hoặc thực hiện việc đầu tư cho nguyên đơn. Chiến lược đầu tư đưa ra phải rõ ràng, chi tiết, cụ thể, đảm bảo nguyên đơn có đầy đủ thông tin về mức độ rủi ro, các loại hình rủi ro ảnh hưởng tới khả năng sinh lời (Điều 26 Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ "Quy chế" ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ban hành ngày 15/05/2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính). Mức độ rủi ro này phải được các bên lường trước và thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư và đảm bảo không có quy định nhằm chuyển rủi ro từ công ty quản lý quỹ sang nhà đầu tư (điểm b khoản 2 điều 27 Quy chế). Theo quy định tại Phụ lục 9 Quyết định 35/2007/QĐ-BTC về nội dung chính của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư (trường hợp công ty quản lý quỹ thấy có dấu hiệu rủi ro khi quản lý ủy thác đầu tư, công ty quản lý quỹ phải thỏa thuận với nhà đầu tư): "a. Mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro và yêu cầu của nhà đầu tư; d. Các loại hình rủi ro liên quan đến việc đầu tư theo hợp đồng kể cả quy định về việc không bảo đảm giá trị vốn đầu tư ban đầu". Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết Hợp đồng, bị đơn đã không thể hiện điều khoản rủi ro vào tài liệu "Chiến lược đầu tư" mà thống nhất với nguyên đơn về việc ghi nhận luôn điều khoản rủi ro vào Hợp đồng (Khoản 4.8 điều 4 và khoản 7.4 điều 7 của Hợp đồng). Tức, bị đơn chấp nhận gánh chịu mọi rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng và điều này cũng hoàn toàn phù hợp với ý chí, mong muốn và yêu cầu của nguyên đơn.

Thứ ba, mối liên hệ giữa trách nhiệm thanh toán giữa hai bên và đối tác: Bản chất quan hệ pháp luật của hợp đồng ủy thác là bên nhận ủy thác nhân danh chính mình để thực hiện theo những điều kiện đã thỏa thuận với bên ủy thác và được nhận thù lao ủy thác. Theo đó, hoạt động của Bên nhận ủy thác sẽ tồn tại hai mối quan hệ pháp luật như sau: Quan hệ ủy thác giữa nguyên đơn và bị đơn: Bị đơn chịu trách nhiệm trước nguyên đơn. Quan hệ đầu tư giữa bị đơn và đối tác: đối tác chịu trách nhiệm trước bị đơn, là việc nội bộ giữa bị đơn và đối tác, không liên quan đến nguyên đơn (nguyên đơn không có bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ nào liên quan đến đối tác).

Thứ tư, Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã buộc Bảo Việt phải hoàn trả ngay cho Phả Lại số tiền gốc ủy thác đầu còn nợ do Phả Lại chưa yêu cầu hoàn trả số tiền tiền lãi phải thu: 3.021.304.520đ.

Sau đó, Phả Lại đã nhiều lần có văn bản và làm việc trực tiếp để yêu cầu hoàn trả khoản tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 là: 3.021.304.520 đồng

nhưng đến nay Bảo Việt không phản hồi. Do vậy, Phả Lại đề nghị Tòa án buộc Bảo Việt - bị đơn hoàn trả cho Phả Lại số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng 05 là: 3.021.304.520 đồng.

*** Bị đơn - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt trình bày:**

Bảo Việt thừa nhận việc ký Hợp đồng 05 và 07 phụ lục hợp đồng ủy thác đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã nhận từ nguyên đơn tổng cộng số tiền là 150.000.000 đồng theo Phụ lục số 01 ký ngày 18/09/2007 với thời hạn ủy thác là 03 năm.

Khoản đầu tư theo Phụ lục số 01 được đầu tư vào nhiều khoản mục như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ và tái đầu tư các khoản lãi. Sau khi kết thúc thời hạn ủy thác đầu tư của Phụ lục số 01, bị đơn đã thu lại các khoản vốn và lãi để trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đối với Hợp đồng tiền gửi số TG-01/2007/PPC với ALCII (nằm trong Danh mục đầu tư theo Phụ lục Hợp đồng số 01) đến ngày đáo hạn (20/09/2010), bị đơn đã không thực hiện được việc thu hồi số tiền do ALCII không thực hiện việc thanh toán.

Do vậy, ngày 6/12/2010, các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu và thanh lý một phần Phụ lục số 01: Số tiền ủy thác còn lại là 27.501.965.073 đồng; thời hạn ủy thác: 12 tháng, tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết trong thời gian nhận ủy thác là 12%/năm. Ngày 06/12/2011: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 03: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 22.401.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng, (ii) Phụ lục 04: số tiền ủy thác: 22.401.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng. Ngày 06/12/2012: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 04: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 20.351.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng. (ii) Và thống nhất ký Phụ lục số 05 để theo dõi và thu hồi phần vốn ủy thác 20.351.965.073 đồng.

Ngày 06/12/2013: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 05: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 17.851.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng (ii) Phụ lục 06: số tiền ủy thác: 17.851.965.073 đồng; thời hạn ủy thác: 12 tháng.

Trong kỳ ủy thác của Phụ lục số 06, với nỗ lực thu hồi và giảm thiểu tối đa rủi ro cho nguyên đơn, bị đơn đã khởi kiện ALCII và đã báo cáo nguyên đơn các nội dung có liên quan tới ALCII (bao gồm cả việc khởi kiện) tại Công văn số 67/BVF-F1.2014 ngày 18/03/2014 và tại buổi làm việc giữa bị đơn - nguyên đơn ngày 19/03/2014. Trên cơ sở đề nghị của nguyên đơn tại buổi làm việc ngày 19/03/2014;

"2. Đề nghị của PPC:

- PPC yêu cầu BVF tích cực triển khai các giải pháp thu hồi vốn tại ALCII và chuyển trả PPC theo đúng các quy định của Hợp đồng ủy thác vốn và các Phụ lục.

- Đối với việc xem xét không tính lãi quá hạn, theo ý kiến của PPC: do BVF trực tiếp ký hợp đồng và làm việc với ALCII nên BVF chủ động thống nhất với ALCII đưa ra phương án hợp lý để thu hồi và chuyển trả toàn bộ số nợ cho PPC."

Bị đơn đã tiến hành hòa giải với Công ty ALC II. Do yêu cầu gấp về mặt thời gian, bị đơn đã có Công văn gửi nguyên đơn xin ý kiến hòa giải thành với Công ty ALCII: đề nghị chậm nhất vào ngày 22/7/2014 nhận được ý kiến trả lời của nguyên đơn để tiến hành các công việc tiếp theo nhưng không nhận được phản hồi nên bị đơn hiểu là nguyên đơn chấp thuận các đề xuất của bị đơn và chấp nhận các điều kiện Công ty ALC II đưa ra: Không tính lãi theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng tiền gửi đã ký với ALC II kể từ ngày 19/09/2010 (ngày đáo hạn) trở về sau (số tiền lãi chậm trả quá hạn xóa theo Biên bản hòa giải thành). Quyết định công nhận số 56/QĐST-KDTM ngày 24/7/2014 của TAND Quận 5 TP Hồ Chí Minh thì Công ty ALC II được miễn toàn bộ tiền lãi. Tức số tiền lãi (dự tính) 3.021.304.520 đồng của Phụ lục hợp đồng số 03 đã được miễn giảm theo quyết định trên của Tòa án.

- Ngày 06/12/2014; Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 06: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 16.451.965.073 đồng, (ii) Phụ lục 07 tiền ủy thác: 16.451.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

Trong thời gian thực hiện Phụ lục số 07, bị đơn đã tiến hành hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là: 2.100.000.000 đồng vốn ủy thác đầu tư gốc. Như vậy, số vốn ủy thác đầu tư còn lại theo Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư và các Phụ lục là: 14.351.965.073 đồng;

Ngày 11/09/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra phán quyết tại Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư, theo đó, Tòa án đã xem xét toàn bộ Hợp đồng và 07 phụ lục ký kèm theo và buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền ủy thác đầu tư còn nợ gốc là 14.351.965.073 đồng. Số tiền này, bị đơn đã chuyển trả đủ cho nguyên đơn thông qua Cơ quan thi hành án quận Hoàn Kiếm. Theo đó, nguyên đơn đã thu hồi được toàn bộ vốn ủy thác theo Phụ lục số 07.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi:

Thứ 1: Hợp đồng ủy thác đầu tư giữa bị đơn và nguyên đơn là hợp đồng ủy thác đầu tư được điều chỉnh theo quy định Luật Chứng khoán. Theo đó, bị đơn thay mặt nguyên đơn để thực hiện việc quản lý, đầu tư tài sản cho nguyên đơn trên cơ sở các giới hạn quy định tại hợp đồng. Trong quá trình thực hiện quản lý tài sản, bị đơn

đã thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động quản lý cho nguyên đơn liên quan đến tài sản ủy thác và nguyên đơn cũng đã nhận thức rõ về việc khoản đầu tư tiền gửi tại ALCII là khoản đầu tư chậm thu hồi.

Thứ 2: Số tiền 3.021.304.520 đồng được hình thành từ lãi dự thu của Hợp đồng tiền gửi. Cùng với việc ALCII được miễn toàn bộ lãi theo Quyết định công nhận hòa giải thành số 56/QĐST-KDTM, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau không còn ghi nhận số tiền lãi 3.021.304.520 đồng, thể hiện qua sự thay đổi về Yêu cầu đầu tư từ Phụ lục số 06 đến Phụ lục số 07 và sự thay đổi về số liệu tiền lãi đối chiếu giữa hai bên trước và sau thời điểm hòa giải thành với Công ty ALC II. Trong năm 2014, bị đơn và nguyên đơn đã ký với nhau 02 Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 06. Trong đó Biên bản ngày 04/01/2014 (trước thời điểm hòa giải thành với ALCII) hai bên vẫn còn ghi nhận lãi tiền gửi phải thu theo Phụ lục 03 là 3.021.304.520 đồng nhưng đến Biên bản ngày 06/12/2014 (sau thời điểm hòa giải thành với ALCII, đây là Biên bản làm căn cứ để ký Phụ lục số 07) thì đã không còn ghi nhận số tiền này.

Thứ 3: Với bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/09/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra phán quyết sau khi đã xem xét toàn bộ hồ sơ Hợp đồng 05 và các Phụ lục, Biên bản thanh lý đi kèm và xác định chỉ còn số tiền ủy thác gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng ủy thác đến thời điểm tranh chấp là 14.351.965.073 đồng. Số tiền này, bị đơn đã chuyển trả đủ cho nguyên đơn.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại với Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt về yêu cầu hoàn trả số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ký kết ngày 18/09/2007 giữa Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt.

2. Buộc Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt phải hoàn trả cho Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ký kết ngày 18/09/2007 giữa 2 công ty là 3.021.304.520 đồng.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng:

- Số tiền 3.021.304.520 đồng là tiền lãi phát sinh theo Phụ lục số 03 ngày 06/12/2010, thời hạn ủy thác là 12 tháng kể từ ký phụ lục. Thời điểm các bên ký biên

bản đối chiếu số liệu phụ lục số 03 là 06/12/2011, nguyên đơn khởi kiện vào tháng 4/2024 là đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Trong quá trình thực hiện tiếp hợp đồng (từ Phụ lục số 03 đến số 07) các bên đã thỏa thuận về việc không tiếp tục ghi nhận số tiền lãi phải thu 3.021.304.520 đồng.

- Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật: Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT của TAND thành phố Hà Nội đã ra phán quyết và buộc Bảo Việt phải hoàn trả Phả Lại số tiền ủy thác đầu tư còn nợ gốc là 14.351.965.073 đồng theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư ngày 18/9/2007 và 07 Phụ lục hợp đồng kèm theo. Bảo Việt đã chuyển trả đủ cho Phả Lại nên vụ việc đã không còn căn cứ để giải quyết theo khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính: Đơn kháng cáo của Công ty Bảo Việt hợp lệ. Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định và yêu cầu chung của phiên tòa phúc thẩm: Thành phần HĐXX phúc thẩm, phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định tại Điều 64 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

1. Về thủ tục kháng cáo

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (Bảo Việt) làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

2.1. Về thời hiệu khởi kiện

Ngày 18/09/2007, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Phả Lại) và Bảo Việt ký Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-UTĐT/PLPC. Kèm theo là phụ lục số 01, 02.

Ngày 06/12/2010, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 01 (bút lục 26) xác định giá trị tài sản ròng nguyên đơn nhận được (dự kiến giá trị tài sản ròng

sau chuyển trả nguyên đơn và phí ngân hàng) là 27.501.965.073đồng. Cùng ngày, các bên ký Phụ lục số 03 (bút lục 45) ghi nhận số vốn uỷ thác nguyên đơn tiếp tục giao bị đơn là 27.501.965.073đồng.

Ngày 06/12/2011, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 03 (bút lục 28) thống nhất giá trị tài sản ròng tính đến 06/12/2011 nguyên đơn còn được nhận là 25.945.197.911đồng trong đó tiền lãi gửi phải thu là 3.021.304.520đồng. Cùng ngày, các bên ký Phụ lục số 04 (bút lục 47) xác định thời hạn uỷ thác là 12 tháng kể từ ngày 06/12/2011 và số vốn uỷ thác nguyên đơn tiếp tục giao cho bị đơn quản lý, đầu tư là 22.401.965.073đồng.

Ngày 06/12/2012, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 04 (bút lục 30) thống nhất giá trị tài sản ròng tính đến 06/12/2012 còn lại nguyên đơn được nhận là 23.445.278.053đồng trong đó tiền lãi gửi phải thu là 3.021.304.520đồng. Cùng ngày các bên ký Phụ lục số 05 (bút lục 43) xác định thời gian uỷ thác 12 tháng kể từ 06/12/2012 đến 06/12/2013.

Ngày 06/01/2013, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 05 (bút lục 31) thống nhất số vốn uỷ thác theo phụ lục số 05 đến 31/12/2012 là 20.051.965.073đồng và số lãi tiền gửi phải thu theo phụ lục số 03 là 3.021.304.520đồng.

Ngày 06/12/2013, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 05 (bút lục 33) thống nhất ký phụ lục hợp đồng tiếp theo để theo dõi tiếp giá trị phần vốn gốc uỷ thác là 17.851.965.073đồng. Đối với khoản lãi dự thu phát sinh theo phụ lục số 03 sẽ được chuyển trả cho nguyên đơn khi nhận được tiền từ khách hàng. Cùng ngày, các bên ký Phụ lục số 06 (bút lục 40) thống nhất thời hạn uỷ thác là 12 tháng kể từ ngày 06/12/2013.

Ngày 04/01/2014, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 06 (bút lục 34) thống nhất vốn uỷ thác theo phụ lục số 06 đến 31/12/2013 là 17.851.965.073đồng và số lãi tiền gửi phải thu theo phụ lục số 03 là 3.021.304.520đồng.

Ngày 06/12/2014, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 06 (bút lục 36) thống nhất ký phụ lục hợp đồng tiếp theo để bị đơn theo dõi tiếp giá trị phần vốn gốc uỷ thác là 16.451.951.073đồng. Cùng ngày, các bên ký Phụ lục số 07 (bút lục 38) thống nhất thời hạn uỷ thác là 12 tháng kể từ ngày 06/12/2014.

Ngày 05/01/2015, các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 07 (bút lục 41) thống nhất vốn uỷ thác theo phụ lục số 07 đến ngày 31/12/2014 là 15.851.965.073đồng.

Như vậy, tính đến ngày 06/12/2013 là thời điểm cuối cùng các bên có ghi nhận số tiền lãi 3.021.304.520 đồng và được thống nhất bị đơn sẽ chuyển trả cho nguyên đơn khi nhận được tiền từ khách hàng. Nguyên đơn, Bị đơn đã thống nhất khi khách hàng trả tiền cho Bị đơn thì Bị đơn sẽ chuyển trả cho Nguyên đơn, không có thỏa thuận thời hạn phải hoàn trả xong toàn bộ số tiền 3.021.304.520 đồng.

Năm 2019, khi Toà án giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn về khoản tiền gốc uỷ thác thì tại Bản ý kiến đề ngày 12/11/2019, ông Phùng Quang Cường (Người đại diện của bị đơn) trình bày:

"Yêu cầu của BVF (Bào Việt):

Từ những phân tích và tham chiếu quy định pháp luật nêu trên, tôi đề nghị Toà án xem xét:

i. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của PPC (Phả Lại) đối với BVF về việc BVF hoàn trả lại vốn uỷ thác đầu tư gốc là 14.351.965.073 đồng.

ii. Yêu cầu PPC thừa nhận là chủ sở hữu và thực hiện quyền sở hữu đối với các tài sản uỷ thác và các quyền lợi nghĩa vụ hình thành liên quan gồm:

Khoản tiền gửi tại ALCII còn phải thu theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự số 56/2014/QĐST-KDTM ngày 24/7/2014 của Toà án nhân dân quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Phần lãi đã miễn giảm cho ALCII theo Quyết định số 56/2014/QĐST-KDTM ngày 24/7/2014 của Toà án nhân dân quận 5, thành phố Hồ Chí Minh và công nhận giá trị tài sản ròng (theo giá trị sổ sách) Danh mục uỷ thác của PPC đến thời điểm ngày 31/3/2017 là 13.651.430.822 đồng..."

Xét thấy: Ngày 04/6/2014, Toà án nhân dân quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án giữa nguyên đơn Công ty Bảo Việt và bị đơn Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Agribank về việc yêu cầu ALCII thanh toán tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả quá hạn. Tại Quyết định công nhận hòa giải thành số 56/QĐST-KDTM ngày 24/7/2014 của TAND Quận 5 TP Hồ Chí Minh (bút lục 162) tuyên ALCII thực hiện trả cho Bị đơn số tiền vốn vay 20.500.000.000 đồng. Việc bị đơn có ý kiến tại Văn bản ngày 12/11/2019 yêu cầu Nguyên đơn nhận số tiền phải thu theo quyết định công nhận sự thoả thuận năm 2014 là chỉ còn tiền gốc, không còn tiền lãi. Điều này đồng nghĩa việc Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn chấp nhận phần lãi đã miễn giảm cho ALCII theo quyết định công nhận sự thoả thuận.

Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự thì Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: (1) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần

hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; (2) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; (3) Các bên đã tự hòa giải với nhau.

Do đó, việc bị đơn có ý kiến tại văn bản ngày 12/11/2019 nêu trên được xác định là thời điểm bị đơn thừa nhận có nghĩa vụ đối với nguyên đơn về khoản tiền lãi 3.021.304.520 đồng nhưng đề nghị nguyên đơn chấp thuận thỏa thuận của bị đơn với ALCII theo quyết định công nhận sự thỏa thuận miễn số tiền lãi. Thời điểm ngày 12/11/2019 được xác định là thời điểm bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự.

Năm 2021, nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn ra Tòa án yêu cầu thanh toán tiền lãi 3.021.304.520 đồng. Việc khởi kiện này của nguyên đơn được xác định là trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Tại Bản tự khai đề ngày 29/5/2023 (bút lục 166) do người đại diện theo pháp luật của Bảo Việt là ông Nguyễn Đình An - Tổng giám đốc trình bày: *"Đối với phần lãi dự thu theo PLHDD số 03 (số tiền 3.021.304.520 đồng), ghi nhận của BVF và PPC tại các Biên bản đối chiếu số liệu của Phụ lục số 03 đến Phụ lục số 06 (Biên bản đối chiếu số liệu ngày 04/01/2014) có đề cập đến số tiền này. Số tiền 3.021.304.520 đồng được hình thành từ lãi theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số tiền gửi đã ký với ALCII kể từ ngày 19/9/2010 (ngày đáo hạn) trở về sau, là một phần của số tiền lãi chậm trả quá hạn 21.140.155.000 đồng tính từ thời điểm Hợp đồng tiền gửi đáo hạn tới thời điểm hòa giải. Cùng với việc ALCII được xóa toàn bộ lãi theo Quyết định công nhận hòa giải thành số 56/QĐST-KDTM của Tòa án, PPC và BVF đã thống nhất với nhau không còn ghi nhận số tiền lãi 3.021.304.520 đồng...."* Như vậy, tại bản tự khai này, bị đơn vẫn giữ ý kiến về việc nguyên đơn đã đồng ý miễn lãi.

Sau đó, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện và đến năm 2024 khởi kiện lại bị đơn tại Tòa án.

Việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện năm 2023 và khởi kiện lại vào năm 2024 được tính vào thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

Thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn trong vụ án này vẫn còn. Kháng cáo của bị đơn cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

2.2. Về quyền khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn kháng cáo cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của Tòa án

nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn không còn quyền khởi kiện.

Xét thấy: Tại Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của TAND TP.Hà Nội (bút lục 82) giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tiền vốn gốc ủy thác. Nguyên đơn không có yêu cầu và Tòa án không giải quyết bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến số tiền lãi phải thu. Nên kháng cáo của bị đơn về quyền khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

3. Về nội dung

Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và cho rằng trong quá trình thực hiện tiếp hợp đồng (từ Phụ lục số 03 đến số 07) các bên đã thỏa thuận về việc không tiếp tục ghi nhận số tiền lãi phải thu 3.021.304.520đồng.

Xét thấy: Các bên đều thống nhất về số tiền lãi 3.021.304.520đồng phát sinh trên danh mục phần vốn gốc ủy thác theo Phụ lục số 03 được đầu tư cho ALCII (Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Như nhận định tại mục 2.1 nêu trên thì các phụ lục từ 03 đến 07 ghi nhận thỏa thuận của các bên về số tiền vốn gốc mà nguyên đơn ủy thác cho bị đơn để đầu tư, thời hạn ủy thác. Các phụ lục này là bộ phận bổ sung không thể tách rời của Hợp đồng ủy thác. Việc ký phụ lục hợp đồng trên cơ sở các biên bản đối chiếu số liệu được ký giữa hai bên.

Tiền lãi phải thu 3.021.304.520đồng được ghi nhận trong biên bản đối chiếu số liệu của hai bên ngày 06/12/2011, không được ghi nhận trong bất kỳ phụ lục nào. Biên bản đối chiếu số liệu có nội dung như biên bản đối chiếu nợ của bị đơn đối với nguyên đơn và bị đơn đã cam kết sẽ hoàn trả nguyên đơn khoản tiền này khi được khách hàng thanh toán (theo các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu phụ lục số 05 ngày 06/12/2013 (bút lục 33)).

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc nguyên đơn không đồng ý miễn khoản tiền lãi khi giải quyết tranh chấp giữa bị đơn và ALCII, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh đã được nguyên đơn đồng ý miễn tiền lãi.

Do đó yêu cầu khởi kiện bị đơn phải hoàn trả số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng 05 của nguyên đơn là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Xử:

1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024 của Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt phải chịu 2.000.000đ tiền án kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai số 000664 ngày 25/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Lưu HS/VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Nguyễn Thị Thúy Hạnh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: 14 /2024/KDTM-ST

Ngày 12/7/2024

V/v: "T.c Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoà và ông Nguyễn Văn Kinh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Cán bộ TAND
quận Hoàn Kiếm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn
Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và 12/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử
sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 37/2024/TLST- KDTM ngày 20/5/2024 về việc
"Tranh chấp Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
16/2024/QĐST-KDTM ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-
HPT ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại; Địa chỉ trụ sở: Km 28,
quốc lộ 18 phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Hải – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như Thành, sinh năm 1977; Trú
tại: Số nhà 10, ngõ 79 phố Gia Quất, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên,
Hà Nội. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Thị Vân –
Luật sư, Công ty TNHH Chu Vân Royal. (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt; Địa chỉ trụ sở: Tầng 5 toà nhà
số 8 phố Lê Thái Tô, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình An – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn Công, sinh năm 1979; Trú tại: Số
nhà 31, ngõ 201, đường Đa Tôn, xã Đa Tôn, huyện Gia Lâm, Hà Nội; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị
Thanh Mai – Công ty Luật TNHH Điềm Kết Nối. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/09/2007, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ("PPC") (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt, tiền thân của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt ("BVF") (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-UTĐT/PLPC ("Hợp Đồng"). Theo Hợp đồng này, bị đơn có trách nhiệm cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho nguyên đơn; phạm vi dịch vụ được ghi nhận tại Phụ lục 1 với các nội dung cơ bản như sau: Vốn ủy thác đầu tư: 150.000.000.000 (Một trăm, năm mươi tỷ) đồng. (Trên thực tế, nguyên đơn đã chuyển đủ tiền vốn ủy thác vào tài khoản được bị đơn chỉ định theo Ủy nhiệm chi số 9DT lập ngày 18/09/2007 chuyển tiền ngày 19/9/2007; Ủy nhiệm chi số/2D64 lập và chuyển tiền ngày 06/12/2007), thời hạn ủy thác: 03 năm; Tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết: 7,65%/năm; Thù lao ủy thác: Phần chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận đầu tư thực hiện và tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết chia theo tỷ lệ nguyên đơn 40%, bị đơn 60%. Sau khi kết thúc thời hạn ủy thác đầu tư, số tiền còn lại mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 27.501.965.073 (Hai mươi bảy tỷ, năm trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba) đồng.

Nhằm tạo điều kiện cho bị đơn có thêm thời gian chuẩn bị nguồn tiền để hoàn trả cho nguyên đơn, theo đề nghị của bị đơn, từ năm 2010 đến năm 2015, nguyên đơn đồng ý tiếp tục ký 06 Biên bản đối chiếu số liệu và 05 Phụ lục Hợp đồng (bản chất là nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn hoàn trả dần tiền ủy thác đầu tư và thanh lý dần Hợp đồng):

- Ngày 06/12/2010: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu và thanh lý một phần Phụ lục số 01: chốt số tiền ủy thác còn lại là 27.501.965.073 đồng, (ii) Phụ lục số 03: số tiền ủy thác: 27.501.965.073 đồng; thời hạn ủy thác: 12 tháng, tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết trong thời gian nhận ủy thác là 12%/năm.

- Ngày 06/12/2011: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 03: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 22.401.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng, (ii) Phụ lục 04: số tiền ủy thác: 22.401.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

- Ngày 06/12/2012: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 04: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 20.351.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng.

- Ngày 06/12/2013: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 05: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 17.851.965.073 đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng (ii) Phụ lục 06: số tiền ủy thác: 17.851.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

- Ngày 06/12/2014: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 06: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 16.451.965.073 đồng, (ii) Phụ lục 07: số tiền ủy thác: 16.451.965.073 đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

- Ngày 05/01/2015: Các bên ký Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 07, tính đến ngày 31/12/2014 là 15.851.965.073 (Mười lăm tỷ, tám trăm năm mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba) đồng.

Trong thời gian thực hiện Phụ lục số 07, bị đơn đã tiến hành trả cho nguyên đơn số tiền là: 1.500.000.000 (Một tỷ, năm trăm triệu) đồng. Chi tiết: Từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2015: mỗi tháng bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng, với tổng số tiền chuyển trả là 1.200.000.000 đồng, ngày 27/08/2015 tiếp tục chuyển trả 300.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 05/12/2015 (ngày hết thời hạn hiệu lực của Phụ lục số 07), số vốn ủy thác đầu tư gốc còn lại mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 14.351.965.073 đồng (Mười bốn tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba) đồng và số tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng). Sau khi Phụ lục số 07 hết thời hạn, ngày 19/01/2016, các bên đã tổ chức làm việc về vấn đề liên quan đến Hợp đồng. Theo đó, trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, các bên thống nhất không tiếp tục gia hạn Hợp đồng và giao đại diện các bên trao đổi để giải quyết hậu quả chấm dứt Hợp đồng. Sau quá trình trao đổi qua lại nhưng không đi đến thống nhất, ngày 04/05/2016, nguyên đơn đã gửi văn bản số 2217/PPC-TCKT yêu cầu bị đơn hoàn trả toàn bộ vốn ủy thác đầu tư gốc cho nguyên đơn, với số tiền là 14.351.965.073 đồng (Mười bốn tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng). Tuy nhiên, đại diện bị đơn vẫn thể hiện quan điểm trái ngược với cam kết bảo toàn vốn cho nguyên đơn như ban đầu, cơ bản như sau: Bị đơn đã sử dụng vốn ủy thác của nguyên đơn để đầu tư vào đối tác khác. Vì đối tác không thanh toán cho bị đơn nên bị đơn sẽ không chuyển trả cho nguyên đơn, bị đơn chỉ hoàn trả tiền cho nguyên đơn khi bị đơn nhận được tiền từ đối tác. Trường hợp bị đơn không thể thu hồi tiền đầu tư tại đối tác, nguyên đơn sẽ không nhận lại được khoản tiền ủy thác gốc và chịu rủi ro vì tiền ủy thác không thể thu hồi (do bất đồng quan điểm, các bên không có biên bản làm việc về vấn đề này).

Do bị đơn không thực hiện đúng cam kết của hợp đồng nên nguyên đơn đã thực hiện khởi kiện bị đơn để truy đòi số tiền gốc ủy thác quản lý vốn và đã được chấp thuận bằng Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với nội dung như sau: "*Buộc BVF phải hoàn trả ngay cho PPC số tiền ủy thác đầu tư còn nợ gốc là: 14.351.965.073 đồng*". Ngày 12/11/2020, bị đơn đã hoàn trả nguyên đơn số tiền gốc ủy thác quản lý vốn như theo quyết định của bản án.

Nguyên đơn có quan điểm về trách nhiệm bị đơn phải hoàn trả toàn bộ tiền lãi của hợp đồng ủy thác (Phụ lục số 03) cho nguyên đơn như sau:

Thứ nhất, cam kết bảo toàn vốn ủy thác của bị đơn ghi nhận tại Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTDT/PLPC: Khoản 4.8 điều 4 Hợp đồng quy định: "Chuyển trả đầy đủ vốn ủy thác cho bên A (PPC) khi chấm dứt

Hợp đồng hoặc khi có yêu cầu của bên A phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, chuyển trả lãi cam kết thực hiện cho bên A (PPC) đúng theo quy định của hợp đồng này", khoản 7.4 điều 7 Hợp đồng quy định: "Yêu cầu bên B (BVF) chuyển trả vốn ủy thác đầu tư theo quy định tại Khoản 4.8 Điều 4 của Hợp đồng này". Như vậy, tại các điều khoản của Hợp đồng đã quy định rất rõ về trách nhiệm hoàn trả toàn bộ vốn ủy thác đầu tư, trả lãi của bị đơn và quyền yêu cầu hoàn trả vốn ủy thác đầu tư, tiền lãi của nguyên đơn khi chấm dứt Hợp đồng hoặc khi nguyên đơn có yêu cầu.

Khoản 1 điều 27 Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Công ty quản lý quỹ kèm theo Quyết định 35//2007/QĐ-BTC ngày 15/05/2007 của Bộ Tài chính quy định: "*Ngoài các nội dung do hai bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật của pháp luật. Hợp đồng quản lý đầu tư phải bao gồm những nội dung cơ bản theo quy định tại Phụ lục số 10 kèm theo quy chế này.*" Căn cứ quyết định số 35/2007/QĐ-BTC, thỏa thuận hoàn trả đầy đủ vốn ủy thác (bảo toàn vốn) của các bên phù hợp với quy định của pháp luật và nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn chuyển trả toàn bộ vốn ủy thác còn lại theo quy định tại Hợp đồng.

Khoản 7 điều 27 Thông tư số 212/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ ngày 05/12/2012 của Bộ Tài chính quy định: "*...Việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ đối với khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 21 Thông tư này*". Căn cứ quy định trên, đối với nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng công ty quản lý quỹ phải chuyển trả tài sản cho khách hàng theo yêu cầu bằng văn bản; ngừng giao dịch mua/bán chứng khoán; ngừng giao dịch rút/nộp tiền của khách hàng. Sau đó chốt số dư tiền và tài sản của từng khách hàng ủy thác.

Thứ hai, vấn đề rủi ro trong quan hệ ủy thác quản lý quỹ đầu tư: Theo quy định tại Quyết định 35/2007/QĐ-BTC, nguyên đơn có thể phải chịu rủi ro nếu thuộc các trường hợp như sau: Bị đơn đưa ra mức độ rủi ro có thể chấp nhận trước khi đưa ra chiến lược đầu tư hoặc thực hiện việc đầu tư cho nguyên đơn. Chiến lược đầu tư đưa ra phải rõ ràng, chi tiết, cụ thể, đảm bảo nguyên đơn có đầy đủ thông tin về mức độ rủi ro, các loại hình rủi ro ảnh hưởng tới khả năng sinh lời (Điều 26 Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ "Quy chế" ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ban hành ngày 15/05/2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính). Mức độ rủi ro này phải được các bên lường trước và thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư và đảm bảo không có quy định nhằm chuyển rủi ro từ công ty quản lý quỹ sang nhà đầu tư (điểm b khoản 2 điều 27 Quy chế). Theo quy định tại Phụ lục 9 Quyết định 35/2007/QĐ-BTC về nội dung chính của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư (trường hợp công ty quản lý quỹ thấy có dấu hiệu rủi ro khi quản lý ủy thác đầu tư, công ty quản lý quỹ phải thoả thuận với nhà đầu tư): "*a. Mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro và yêu cầu của nhà đầu tư; d. Các loại hình rủi ro liên quan đến việc đầu tư theo hợp đồng kể cả quy định về việc không bảo đảm giá trị vốn đầu tư ban đầu*" (Nội dung này cũng được kế thừa tại Phụ lục 6 về một số nội dung chính của hợp đồng quản lý đầu tư kèm theo Thông tư 212/2012/TT-BTC). Các quy định này tạo cơ chế và hành lang pháp lý cho các bên thoả thuận về việc

công ty quản lý quỹ bảo đảm/hay không thể đảm bảo giá trị vốn đầu tư ban đầu cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết Hợp đồng, bị đơn đã không thể hiện điều khoản rủi ro vào tài liệu "Chiến lược đầu tư" mà thống nhất với nguyên đơn về việc ghi nhận luôn điều khoản rủi ro vào Hợp đồng (Khoản 4.8 điều 4 và khoản 7.4 điều 7 của Hợp đồng). Nói cách khác, bị đơn chấp nhận gánh chịu mọi rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng và điều này cũng hoàn toàn phù hợp với ý chí, mong muốn và yêu cầu của nguyên đơn tại thời điểm các bên tiến hành đàm phán và giao kết Hợp đồng như đã trình bày ở trên.

Thứ ba, mối liên hệ giữa trách nhiệm thanh toán giữa bị đơn, nguyên đơn và đối tác: Bản chất quan hệ pháp luật của hợp đồng ủy thác là bên nhận ủy thác nhân danh chính mình để thực hiện theo những điều kiện đã thoả thuận với bên ủy thác và được nhận thù lao ủy thác. Theo đó, hoạt động của bị đơn (Bên nhận ủy thác) sẽ tồn tại hai mối quan hệ pháp luật như sau: Quan hệ ủy thác giữa nguyên đơn và bị đơn: Bị đơn chịu trách nhiệm trước nguyên đơn. Quan hệ đầu tư giữa bị đơn và đối tác: đối tác chịu trách nhiệm trước bị đơn, là việc nội bộ giữa bị đơn và đối tác, không liên quan đến nguyên đơn (nguyên đơn không có bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ nào liên quan đến đối tác).

Thứ tư, Bản án phúc thẩm số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với nội dung như sau: "*Buộc BVF phải hoàn trả ngay cho PPC số tiền ủy thác đầu tư còn nợ gốc là: 14.351.965.073 đồng*". Ngày 12/11/2020, bị đơn đã hoàn trả nguyên đơn số tiền gốc ủy thác quản lý vốn như theo quyết định của bản án. Tuy nhiên bản án trên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền ủy thác đầu tư nợ gốc còn lại, chưa yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 đồng.

Từ những căn cứ trên: Nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản và làm việc trực tiếp với bị đơn để yêu cầu bị đơn hoàn trả khoản tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 là: 3.021.304.520 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng) nhưng đến nay bị đơn vẫn không phản hồi.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại – nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội giải quyết theo pháp luật nội dung sau: Yêu cầu Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt – bị đơn hoàn trả cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFCM-UTĐT/PLPC ngày 18/09/2007 là: 3.021.304.520 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng), ngoài ra không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

*** Bị đơn - Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt do ông Lê Văn Công là đại diện theo uỷ quyền trình bày:**

Ngày 18/7/2007 nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng ủy thác và 07 phụ lục hợp đồng ủy thác như đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày là đúng.

Nội dung Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/B VFCM-UTĐT/PLPC ngày 18/09/2007 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng ủy thác đầu tư") với nội

dung: Bị đơn cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho nguyên đơn, bị đơn đã nhận từ nguyên đơn tổng cộng số tiền là 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng theo Phụ lục số 01 ký ngày 18/09/2007 với thời hạn ủy thác là 03 năm.

Khoản đầu tư theo Phụ lục số 01 được đầu tư vào nhiều khoản mục như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ và tái đầu tư các khoản lãi. Sau khi kết thúc thời hạn ủy thác đầu tư của Phụ lục số 01, bị đơn đã thu lại các khoản vốn và lãi để trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đối với Hợp đồng tiền gửi số TG-01/2007/PPC với ALCII (nằm trong Danh mục đầu tư theo Phụ lục Hợp đồng số 01) đến ngày đáo hạn (20/09/2010), bị đơn đã không thực hiện được việc thu hồi số tiền do ALCII không thực hiện việc thanh toán.

Do vậy, ngày 6/12/2010, các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu và thanh lý một phần Phụ lục số 01: Số tiền ủy thác còn lại là 27.501.965.073 (Hai mươi bảy tỷ, năm trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng); thời hạn ủy thác: 12 tháng, tỷ suất lợi nhuận đầu tư cam kết trong thời gian nhận ủy thác là 12%/năm. Ngày 06/12/2011: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 03: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 22.401.965.073 (Hai mươi hai tỷ, bốn trăm linh một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi ba) đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi) đồng, (ii) Phụ lục 04: số tiền ủy thác: 22.401.965.073 (Hai mươi hai tỷ, bốn trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba) đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng. Ngày 06/12/2012: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 04: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 20.351.965.073 (Hai mươi tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba) đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi) đồng. (ii) Và thống nhất ký Phụ lục số 05 để theo dõi và thu hồi phần vốn ủy thác 20.351.965.073 đồng. Yêu cầu quản lý trong Phụ lục số 05 được cập nhật như sau:

"4. Yêu cầu quản lý:

- Bên B tiến hành theo dõi và thu hồi phần vốn ủy thác nêu tại mục 1 và chuyển trả cho Bên A trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền từ Công ty cho thuê tài chính II (ALCII).

- Đối với lãi dự thu (nếu có) của phần vốn ủy thác và phần công nợ phải thu, Bên A ủy quyền cho Bên B thực hiện theo dõi và thu hồi. Toàn bộ số tiền thu được sẽ được Bên B chuyển trả cho Bên A trong vòng 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền từ ALCHI.

- Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nhà nước đưa ra phương án xử lý chính thức đối với ALCII, Bên B có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên A các nội dung chi tiết liên quan đến phương án xử lý để hai bên thống nhất cách thức giải quyết nội dung liên quan tới khoản vốn ủy thác nêu tại mục 1."

Trong kỳ ủy thác của Phụ lục số 05, bị đơn có các CV số 121/BVF-FI.2013 ngày 06/05/2011 và 114/BVF-FI.2013 ngày 27/05/2013 v/v tính lãi Hợp đồng tiền gửi (HĐTG số TG-01/2007/PPC) đã quá hạn tại ALCII và đề nghị nguyên đơn cho ý kiến. Tại CV 2099/CV-PPC-TCKT ngày 05/06/2013 nguyên đơn trả lời bị đơn là sau

khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xử lý nợ tại ALCII thì hai bên sẽ tiến hành các thủ tục thỏa thuận lại các điều khoản tại hợp đồng tiền gửi đã ký.

Ngày 06/12/2013: Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 05: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 17.851.965.073 (Mười bảy tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, không trăm bảy mươi ba) đồng, tiền lãi phải thu: 3.021.304.520 (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi) đồng (ii) Phụ lục 06: số tiền ủy thác: 17.851.965.073 (Mười bảy tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, không trăm bảy mươi ba) đồng; thời hạn ủy thác: 12 tháng.

Trong kỳ ủy thác của Phụ lục số 06, với nỗ lực thu hồi và giảm thiểu tối đa rủi ro cho nguyên đơn, bị đơn đã khởi kiện ALCII và đã báo cáo nguyên đơn các nội dung có liên quan tới ALCII (bao gồm cả việc khởi kiện) tại Công văn số 67/BVF-FI.2014 ngày 18/03/2014 và tại buổi làm việc giữa bị đơn – nguyên đơn ngày 19/03/2014. Trên cơ sở đề nghị của nguyên đơn tại buổi làm việc ngày 19/03/2014:

"2. Đề nghị của PPC:

- PPC yêu cầu BVF tích cực triển khai các giải pháp thu hồi vốn tại ALCII và chuyển trả PPC theo đúng các quy định của Hợp đồng ủy thác vốn và các Phụ lục.

- Đối với việc xem xét không tính lãi quá hạn, theo ý kiến của PPC: do BVF trực tiếp ký hợp đồng và làm việc với ALC II nên BVF chủ động thống nhất với ALCII đưa ra phương án hợp lý để thu hồi và chuyển trả toàn bộ số nợ cho PPC."

Bị đơn đã tiến hành hòa giải với Công ty ALC II. Do yêu cầu gấp về mặt thời gian (Biên bản hòa giải thành sẽ có hiệu lực trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản là 16/07/2014), bị đơn đã có Công văn khẩn số 205/BVF-FI.2014 ngày 21/7/2014 gửi nguyên đơn xin ý kiến hòa giải thành với Công ty ALCII: đề nghị chậm nhất vào ngày 22/7/2014 nhận được ý kiến trả lời của nguyên đơn để bị đơn tiến hành các công việc tiếp theo. Nếu không nhận được phản hồi thì bị đơn hiểu là nguyên đơn chấp thuận các đề xuất của bị đơn là hòa giải thành với Công ty ALCII và chấp nhận các điều kiện Công ty ALC II đưa ra: *"(1) Không tính lãi theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng tiền gửi đã ký với ALC II kể từ ngày 19/09/2010 (ngày đáo hạn) trở về sau (số tiền lãi chậm trả quá hạn xóa theo Biên bản hòa giải thành là 21.140.155.000 đồng từ ngày 19/09/2010 đến 18/06/2014. (2) Hỗ trợ thanh toán án phí. (3) Rút yêu cầu bồi thường thiệt hại để ALCII thực hiện thanh toán theo cam kết trả toàn bộ số dư nợ gốc 20.5 tỷ đồng với tối thiểu 300 triệu đồng hàng tháng"*. Do nguyên đơn không có phản hồi, bị đơn đã hòa giải thành với ALCII. Tại Quyết định công nhận hòa giải thành số 56/QĐST-KDTM ngày 24/7/2014 của TAND Quận 5 TP Hồ Chí Minh thì Công ty ALC II được miễn toàn bộ tiền lãi. Như vậy số tiền lãi (dự tính) 3.021.304.520 đồng của Phụ lục hợp đồng số 03 đã được miễn giảm theo quyết định trên của Tòa án. Nhờ Biên bản hòa giải thành ký với ALCII, bị đơn đã thu hồi được 3.5 tỷ đồng, đã chuyển trả cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng không có thêm bất cứ văn bản nào từ chối khoản tiền này. Kết quả cách giải quyết của bị đơn với nguyên đơn đã được nguyên đơn công nhận trong Công văn số 3692/CV-PPC- TCKT ngày 29/07/2014, cụ thể: *"... Căn cứ công văn số 205/BVF-FI.2014 ngày 21 tháng 07 năm*

2014 về việc xin ý kiến hòa giải thành với ALCII, Công ty Cổ phần nhiệt điện Phú Lai đánh giá cao những cố gắng, nỗ lực của Quý công ty trong thời gian qua".

- Ngày 06/12/2014; Các bên ký (i) Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 06: chốt số tiền ủy thác gốc còn lại là 16.451.965.073 (Mười sáu tỷ, bốn trăm năm mươi một chín trăm sáu mươi lăm ngàn, không trăm bảy mươi ba) đồng, (ii) Phụ lục 07 tiền ủy thác: 16.451.965.073 (Mười sáu tỷ, bốn trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, không trăm bảy mươi ba) đồng, thời hạn ủy thác: 12 tháng.

Trong thời gian thực hiện Phụ lục số 07, bị đơn đã tiến hành hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là: 2.100.000.000 (Hai tỷ, một trăm triệu) đồng vốn ủy thác đầu tư gốc (cụ thể: từ ngày 07/12/2014 đến ngày 31/12/2014 trả: 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng; tháng 01/2015 đến tháng 04/2015 trả: 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng); đến ngày 27/08/2015 chuyển trả 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; Như vậy, số vốn ủy thác đầu tư còn lại theo Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư và các Phụ lục là: 14.351.965.073 (Mười bốn tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba) đồng;

Ngày 11/09/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra phán quyết tại Bản án phúc thẩm số 162/2020.KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư, theo đó, Tòa án đã xem xét toàn bộ Hợp đồng và 07 phụ lục ký kèm theo và buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền ủy thác đầu tư còn nợ gốc là 14.351.965.073 đồng. Số tiền này, bị đơn đã chuyển trả đủ cho nguyên đơn thông qua Cơ quan thi hành án quận Hoàn Kiếm. Theo đó, nguyên đơn đã thu hồi được toàn bộ vốn ủy thác theo Phụ lục số 07.

Tính không có căn cứ pháp lý việc nguyên đơn kiện đòi bị đơn số tiền 3.021.304.520 đồng dựa vào các luận điểm sau:

Thứ 1: Hợp đồng ủy thác đầu tư giữa bị đơn và nguyên đơn là hợp đồng ủy thác đầu tư được điều chỉnh theo quy định Luật Chứng khoán. Theo đó, bị đơn thay mặt nguyên đơn để thực hiện việc quản lý, đầu tư tài sản cho nguyên đơn trên cơ sở các giới hạn quy định tại hợp đồng. Trong quá trình thực hiện quản lý tài sản, bị đơn đã thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động quản lý cho nguyên đơn liên quan đến tài sản ủy thác và nguyên đơn cũng đã nhận thức rõ về việc khoản đầu tư tiền gửi tại ALCII là khoản đầu tư chậm thu hồi từ thời điểm 2010 (thời điểm ký phụ lục số 03) thông qua các công văn báo cáo cập nhật liên tục các vấn đề có liên quan tới ALCII (kể từ khi HĐTG số TG-01/2007/PPC quá hạn) gửi tới nguyên đơn³.

Thứ 2: Số tiền 3.021.304.520 đồng được hình thành từ lãi dự thu của Hợp đồng tiền gửi. Cùng với việc ALCII được miễn toàn bộ lãi theo Quyết định công nhận hòa giải thành số 56/QĐST-KDTM, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau không còn ghi nhận số tiền lãi 3.021.304.520 đồng, thể hiện qua sự thay đổi về Yêu cầu đầu tư từ Phụ lục số 06 đến Phụ lục số 07 và sự thay đổi về số liệu tiền lãi đối chiếu giữa hai bên trước và sau thời điểm hòa giải thành với Công ty ALC II. Trong năm 2014, bị đơn và nguyên đơn đã ký với nhau 02 Biên bản đối chiếu số liệu Phụ lục số 06. Trong đó Biên bản ngày 04/01/2014 (trước thời điểm hòa giải thành với ALCII) hai bên vẫn còn ghi nhận lãi tiền gửi phải thu theo Phụ lục 03 là 3.021.304.520 đồng nhưng đến Biên bản ngày 06/12/2014 (sau thời điểm hòa giải thành với ACLII,

đây là Biên bản làm căn cứ để ký Phụ lục số 07) thì đã không còn ghi nhận số tiền này.

Thứ 3: Với bản án phúc thẩm số 162/2020.KDTM-PT ngày 11/09/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra phán quyết sau khi đã xem xét toàn bộ hồ sơ Hợp đồng uỷ thác đầu tư số 05/2007/BVFM-C-UTĐT/PLPC và các Phụ lục, Biên bản thanh lý đi kèm và xác định chỉ còn số tiền uỷ thác gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng uỷ thác đến thời điểm tranh chấp là 14.351.965.073 đồng. Số tiền này, bị đơn đã chuyển trả đủ cho nguyên đơn. Như vậy, nguyên đơn đã thu hồi được toàn bộ vốn uỷ thác cũng như các quyền lợi được ghi nhận theo Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo.

Bằng các trình bày ở trên, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét không chấp thuận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà hôm nay, các đương sự không thoả thuận được với nhau để giải quyết vụ án. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ: Giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi còn thiếu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đều thống nhất xác nhận tại phiên toà là nội dung hợp đồng uỷ thác và 07 phụ lục kèm theo là đúng, Bản án số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của TAND Tp Hà Nội là đúng, bản án có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành án xong, là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh; nội dung của bản án chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đòi số tiền nợ gốc uỷ thác đầu tư là 14.351.965.073 đồng và nội dung Công văn số 6809/PPC-TCKT ngày 9/11/2020 gửi Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm cũng chỉ yêu cầu thi hành khoản tiền nợ gốc uỷ thác đầu tư, tiền nợ lãi của khoản tiền nợ gốc uỷ thác đầu tư, tiền án phí không liên quan gì đến khoản tiền nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến giữa các bên không có văn bản tài liệu ký kết nào có quy định thống nhất thoả thuận không trả lời thì được hiểu là đồng ý với yêu cầu miễn khoản tiền lãi của bị đơn khi giải quyết vụ án tranh chấp giữa bị đơn và Công ty ALC II, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ không thể hiện việc nguyên đơn đồng ý miễn lãi cho bị đơn; tại thời điểm năm 2021 khi nộp đơn khởi kiện tại Toà án, giữa nguyên đơn và bị đơn có tiến hành hoà giải nhưng không thành, bị đơn có bản tự khai ngày 29/5/2023 xác nhận nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ lãi của bị đơn với nguyên đơn nên vẫn còn thời hiệu, bản án KDTM số 162 có hiệu lực pháp luật đã thi hành án nhưng chỉ giải quyết tiền nợ gốc còn khoản tiền nợ lãi chưa giải quyết và đây là tài sản của Nhà nước nên buộc bị đơn phải thanh toán. Thời gian ban hành công văn số 205 yêu cầu nguyên đơn xem xét miễn lãi trong thời hạn 07 ngày là ngày 21/7/2014 nhưng yêu cầu phải trả lời trước ngày 22/7/2014 là không hợp lý, không thể trả lời được vì giả xử nhận được công văn vào đúng ngày ban hành thì chỉ có 1 ngày để trả lời trong khi cần phải có thời gian họp

xem xét và thực tế TAND quận 5 thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự giữa bị đơn và công ty ALC II ngày 24/7/2014 là trước thời điểm nguyên đơn có công văn trả lời bị đơn là Công văn số 3692 ngày 29/7/2014 và nội dung công văn trả lời cũng không có thể hiện nguyên đơn đồng ý miễn khoản tiền lãi cho bị đơn, thoả thuận miễn lãi chỉ là thoả thuận giữa bị đơn và Công ty ALC II, không liên quan đến nguyên đơn do nguyên đơn không tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày ý kiến và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ: Tại thời điểm 2021 các bên không hoà giải được vì số tiền lãi tranh chấp theo quan điểm của bị đơn không còn được ghi nhận, thể hiện tại các phụ lục ký kết sau này đều không ghi nhận số tiền lãi. Xác nhận khoản tiền lãi tranh chấp cho đến thời điểm hiện nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn nhưng lý do không thanh toán là do quá trình giải quyết tranh chấp giữa bị đơn và Công ty ALC II năm 2014, bị đơn đã báo cáo cập nhật liên tục với nguyên đơn, có công văn xin ý kiến không tính lãi gửi cho nguyên đơn và được nguyên đơn đồng ý. Biên bản hoà giải thành và quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa bị đơn và Công ty ALC II cũng thể hiện không tính lãi và bị đơn đã chuyển trả đầy đủ số tiền 300.000.000 đồng/tháng theo quyết định và tổng là 1,5 tỷ đồng cho nguyên đơn vì vậy phụ lục số 06 không còn thể hiện số tiền nợ lãi. Thừa nhận rằng bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn miễn lãi cho bị đơn, các văn bản tài liệu ký kết cũng không có thoả thuận không trả lời là đồng ý tuy nhiên tinh thần của các văn bản trao đổi thể hiện nội dung miễn lãi. Căn cứ vào nội dung bản án phúc thẩm là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh và các tài liệu khác trong hồ sơ đã được công khai chứng cứ tại Toà án đề nghị HĐXX căn cứ điều 72, điều 264, 266, 267 của BLTTDS không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm xác định đúng quan hệ khởi kiện, thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định. Về thời hiệu khởi kiện: Năm 2020, tại Bản án phúc thẩm của TANDTP Hà Nội bị đơn vẫn có ý kiến yêu cầu nguyên đơn chấp nhận phần lãi đã miễn giảm cho Công ty ALC II theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 56 ngày 24/7/2014 của TAND quận 5, Hồ Chí Minh. Năm 2021, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi, quá trình hoà giải tại trung tâm hoà giải, bị đơn có bản tự khai ngày 29/5/2023 gửi Toà án xác nhận lại nội dung hợp đồng uỷ thác quản lý danh mục đầu tư và các phụ lục đã ký, xác nhận bị đơn cho đến nay chưa thanh toán khoản tiền lãi tranh chấp cho nguyên đơn vì cho rằng đã được nguyên đơn miễn lãi. Sau đó nguyên đơn rút đơn, khởi kiện lại vào năm 2024, căn cứ Điều 157 BLDS năm 2015 tính lại thời hiệu khởi kiện từ tháng 5/2023, nên vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện. Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải

quyết vụ án, phía đại diện của nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi của số tiền uỷ thác đầu tư là 3.021.304.520 đồng. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí KDTMST và bị đơn phải chịu án phí KDTMST có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng uỷ thác quản lý vốn giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai pháp nhân đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Theo các tài liệu trong vụ án: Bị đơn có địa chỉ trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nằm trên quận Hoàn Kiếm nên TAND quận Hoàn Kiếm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng uỷ thác đầu tư được ký kết năm 2007, phụ lục cuối cùng số 07 ký kết năm 2015, thời hạn thực hiện đến ngày 6/12/2015 theo đó các bên đã có biên bản làm việc và chốt số liệu tiền nợ. Do không thanh toán tiền nợ uỷ thác đầu tư nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền uỷ thác đầu tư nợ gốc còn lại và đã được xét xử tại 02 cấp toà án. Tại bản án KDTMPT năm 2020 của TANDTP Hà Nội, phía bị đơn ngoài đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn yêu cầu nguyên đơn chấp nhận phần lãi đã miễn giảm cho Công ty ALC II theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 56 ngày 24/7/2014 của TAND quận 5, Hồ Chí Minh và quyết định của bản án phúc thẩm đã chấp thuận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền uỷ thác đầu tư nợ gốc còn là 14.351.965.073 đồng. Do nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu miễn lãi của bị đơn liên tục có công văn yêu cầu hoàn trả tiền lãi nhưng bị đơn không phản hồi. Năm 2021 nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Toà án, quá trình xem xét đơn khởi kiện tại bản tự khai ngày 29/5/2023 bị đơn xác nhận lại nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng uỷ thác, các phụ lục kèm theo và khoản tiền nợ lãi như trên nhưng có ý kiến nguyên đơn đã đồng ý chấp thuận miễn lãi. Sau đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện và nộp lại năm 2024. Tại phiên toà hôm nay đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác nhận số tiền lãi tranh chấp cho đến thời điểm hiện nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn nhưng lý do không thanh toán là do được nguyên đơn đồng ý miễn tiền lãi, phù hợp với bản tự khai ngày 29/5/2023

nên căn cứ Điều 157 của BLDS về việc tính lại thời hiệu khởi kiện xác định thời điểm nguyên đơn khởi kiện vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện.

* **Về nội dung:** Căn cứ vào nội dung Hợp đồng uỷ thác quản lý danh mục đầu tư số 05 ngày 18/9/2007 và 07 phụ lục hợp đồng kèm theo, các văn bản trao đổi việc giải quyết miễn tiền nợ lãi cũng như bản án số 162/2020/KDTM-PT ngày 11/9/2020 của TAND TP Hà Nội đã được các bên thống nhất, HĐXX nhận thấy:

[1] Bị đơn là công ty quản lý quỹ được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động theo Luật chứng khoán. Ngày 18/9/2007 nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng uỷ thác quản lý danh mục và 07 phụ lục kèm theo trên cơ sở thoả thuận, ký kết bởi những người có thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, mục đích và nội dung phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng uỷ thác quản lý danh mục và phụ lục kèm theo. Quá trình thực hiện nguyên đơn đã chuyển đủ số tiền uỷ thác cho bị đơn và bị đơn đã dùng số tiền này để đầu tư vào các danh mục sinh lời.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên xử:

Sau khi kết thúc hợp đồng uỷ thác đầu tư, bị đơn đã thu lại các khoản vốn và lãi để trả nguyên đơn. Tuy nhiên khoản tiền 30 tỷ đồng đầu tư cho Công ty ALC II chưa thể thu hồi được nên các bên đã thống nhất ký kết các phụ lục hợp đồng để bị đơn tiếp tục thu hồi khoản tiền gửi tại Công ty ALC II chưa thu hồi được và lãi phát sinh từ khoản tiền này. Tại bản án phúc thẩm số 162 nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về vốn uỷ thác đầu tư gốc còn lại hiện chưa thu hồi được là 14.351.965.073 đồng, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc uỷ thác còn lại và bị đơn đã thanh toán đủ số tiền nợ trên theo quyết định của bản án.

Riêng số tiền lãi phải thu là 3.021.304.520 đồng được nêu tại các phụ lục số 03, 04, 05 nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào nội dung khoản 4.8 Điều 4 và khoản 7.4 Điều 7 của Hợp đồng uỷ thác thể hiện cam kết bảo toàn vốn uỷ thác trong mọi trường hợp của bị đơn (bao gồm cả tiền gốc và lãi). Như vậy bị đơn có trách nhiệm chuyển trả đầy đủ vốn uỷ thác và lãi cam kết thực hiện cho nguyên đơn. Nguyên đơn không có quyền can thiệp vào hoạt động kinh doanh của bị đơn theo khoản 6.5 Điều 6 và bị đơn có quyền chủ động hoạt động đầu tư theo khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng uỷ thác. Bị đơn chấp nhận mọi rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng uỷ thác và điều này cũng phù hợp với ý chí yêu cầu của nguyên đơn khi giao kết, ký kết Hợp đồng uỷ thác và các phụ lục hợp đồng. Quá trình đầu tư, bị đơn đã vi phạm gửi tiền vào Công ty ALC II mà không thông báo hoặc tư vấn cho nguyên đơn biết về rủi ro là trái với Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và Luật chứng khoán năm 2006. Tại thời điểm đầu tư “Tiền gửi” theo quy định của Luật chứng khoán không phải là danh mục đầu tư và Quyết định số 35 cũng không cho

phép kinh doanh đầu tư thông qua ký hợp đồng tiền gửi với bên thứ ba và quản lý dạng đầu tư này. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Thông tư số 212 thay thế cho Quyết định số 35 thì quy định “tiền gửi” mới được ghi nhận là một loại thuộc “danh mục đầu tư”. Tuy nhiên danh mục tiền gửi được Thông tư quy định là trường hợp đầu tư tiền gửi cho khách hàng uỷ thác, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng phê duyệt. Công ty ALC II không phải là ngân hàng mà chỉ Công ty kinh doanh dịch vụ cho thuê tài chính trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn phê duyệt Công ty ALC II là đơn vị bị đơn được thực hiện đầu tư danh mục tiền gửi. Việc bị đơn thực hiện hoạt động đầu tư vào Công ty ALC II là do lỗi của bị đơn, chưa tuân thủ Luật chứng khoán năm 2006 và Quyết định số 35 của Bộ Tài chính.

Hợp đồng uỷ thác quy định rõ trách nhiệm này của bị đơn tại khoản 2.1 Điều 2 là bị đơn cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chuyên nghiệp phù hợp với Hợp đồng, với yêu cầu đầu tư của nguyên đơn và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về kinh doanh chứng khoán và vì quyền lợi của nguyên đơn theo Điều 1. Do tư vấn và cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư không đúng quy định pháp luật, bị đơn phải chịu trách nhiệm khi Công ty ALC II không hoàn trả đầy đủ tiền vay và tiền lãi theo Hợp đồng tiền gửi. Tất cả các vấn đề phát sinh trong quan hệ giữa bị đơn và Công ty ALC II đều không liên quan hay ảnh hưởng đến nghĩa vụ hoàn trả vốn đầu tư gốc và tiền lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên Bản án phúc thẩm trước đây chỉ giải quyết và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền uỷ thác đầu tư nợ gốc còn lại chưa xem xét đến khoản tiền nợ lãi đã được các đương sự và luật sư các bên tại phiên toà xác nhận là đúng, bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, đã được thi hành xong và là tài liệu chứng cứ hợp pháp, không phải chứng minh như thừa nhận của các bên.

Khi giải quyết tranh chấp giữa bị đơn và Công ty ALC II tại TAND quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có công văn số 205 ngày 21/7/2014 gửi nguyên đơn xin ý kiến về việc miễn giảm số tiền lãi 3.021.304.520 đồng và hẹn nguyên đơn trả lời chậm nhất vào ngày 22/5/2014, nếu không trả lời được hiểu là đồng ý. Xét thấy: Việc bị đơn ban hành công văn số 205 ngày 21/7/2014 và buộc nguyên đơn trả lời chậm nhất là ngày 22/7/2014 là chỉ có 1 ngày kể từ ngày ban hành là không hợp lý và tại phiên toà cũng không chứng minh được thời gian nguyên đơn nhận được công văn. Tài liệu hồ sơ thể hiện bị đơn đã chấp thuận kết quả hoà giải thành với Công ty ALC II miễn toàn bộ số tiền nợ lãi tranh chấp trong khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của nguyên đơn và chỉ đến ngày 29/7/2014 nguyên đơn mới có Công văn số 3692 trả lời nhưng không có nội dung nào thể hiện đồng ý miễn khoản tiền lãi, điều này đã được đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thừa nhận tại phiên toà nên xác định thoả thuận miễn lãi này chỉ là thoả thuận giữa bị đơn và Công ty ALC II không liên quan đến nguyên đơn, mặt khác các văn bản trao đổi ký kết giữa hai bên cũng không có quy định thoả thuận không trả lời thì được hiểu là đồng ý nên việc bị đơn cho rằng

nguyên đơn đã đồng ý miễn khoản tiền lãi khi giải quyết tranh chấp giữa bị đơn và Công ty ALC II là không có căn cứ để chấp nhận. Chính vì chưa có được sự đồng ý của nguyên đơn nên đến tận thời điểm xét xử tại bản án phúc thẩm năm 2020 bị đơn vẫn có ý kiến yêu cầu nguyên đơn chấp nhận phần lãi đã miễn giảm cho Công ty ALC II theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 56 ngày 24/7/2014 của TAND quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với bản tự khai năm 2023 và trình bày tại phiên toà của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn. Đại diện theo uỷ quyền và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn trình bày là về tinh thần thì nguyên đơn đã đồng ý miễn tiền lãi cho bị đơn nên không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc đồng ý của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVPMC-UTDT/PLPC ngày 18/09/2007 là: 3.021.304.520 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng)

[3] Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội: Phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn- Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng. Bị đơn - Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 72, khoản 1 Điều 73 Luật chứng khoán năm 2006;

- Điều 408, 396 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 393, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại với Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt về yêu cầu hoàn trả số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số

05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ký kết ngày 18/09/2007 giữa Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt.

2. Buộc Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt phải hoàn trả cho Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại số tiền lãi ủy thác quản lý vốn của Phụ lục số 03 kèm theo Hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ký kết ngày 18/09/2007 giữa 2 công ty là 3.021.304.520 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt phải chịu 92.426.090 đồng án phí KDTMST. Hoàn trả Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại số tiền tạm ứng án phí KDTMST là 46.300,000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006518 ngày 17/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.



THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ngọc